

Số: 1141/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ

2. Ông Lê Văn Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Gấm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975

Thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG.

Tạm trú: Số 1686/1/12 Tỉnh lộ 10, khu phố 1, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Từ Văn L, sinh năm 1980

Thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG.

Tạm trú: Số 175 đường B, khu phố 2, phường T, quận B, Thành phố H.

Phiên tòa vắng mặt ông Lành, bà Linh có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện 21 tháng 11 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L, trình bày:

Bà và ông Từ Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Hiệp, Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 276, ngày 01/2007.

Bà và ông Từ Văn L sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên đánh bạc, ham chơi, không lo cho gia đình, con cái, cuộc sống tự ai người nấy lo, không ai quan tâm đến ai, bà và ông Lành ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Từ Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 (hai) con chung tên Từ Lê Thu T sinh ngày 27/11/2008 và Từ Lê Thảo H sinh ngày 22/11/2012. Hiện đang sống cùng bà, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu ông Lành cấp dưỡng.

Tài sản chung: Bà Linh đề nghị Tòa án không giải quyết.

Nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông Từ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông Từ Văn L có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Lê Thị Mỹ L nhưng ông Từ Văn L vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ L có đơn yêu cầu ly hôn với ông Từ Văn L, ông Lành có địa chỉ tại số 175 đường Bờ Sông, khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Từ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông Từ Văn L có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Lê Thị Mỹ L nhưng ông Từ Văn L vẫn vắng mặt không có lý do, bà Linh có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Bà và ông Từ Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Hiệp, Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 276, ngày 01/2007, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Từ Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy,

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;” và Điều 56 quy định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Bà Linh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông Lành thường xuyên cờ bạc, không lo cho gia đình con cái, hai bên ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Như vậy, bà Linh và ông Lành đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến nhau. Làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bên cạnh đó, ông Lành được Tòa án triệu tập nhiều lần mà không có mặt tại phiên tòa được coi là không có thiện chí hàn gắn. Cho thấy, tình trạng hôn nhân của ông bà thật sự trầm trọng.

Do đó yêu cầu ly hôn của bà Linh là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Linh yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và không yêu cầu ông Lành cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Linh phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và cháu Thảo, cháu Hiếu đang sống ổn định bên bà, không nên thay đổi làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Linh. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Linh không yêu cầu ông Lành cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Linh đề nghị Tòa án không giải quyết, nên Tòa án không xét.

[3.4] Về nợ chung: Ông Linh khai không có nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Từ Văn L không phải chịu án phí.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng luật phí và lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L

Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Từ Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Từ Lê Thu T sinh ngày 27/11/2008 và Từ Lê Thảo H sinh ngày 22/11/2012 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu ông Từ Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Từ Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết cả hai đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L đề nghị Tòa án không giải quyết.

Nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Lê Thị Mỹ L khai nhận hai bên không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 8374 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chinh